TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **45**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08- 6- 2026
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quang Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Cườm và bà Đinh Thị Hà Ngọc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Huyền Trang, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế tham gia phiên tòa*:** Bà Phan Thị Hoài Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Nguyễn Phương T, sinh năm 1998; căn cước công dân: 046198004276; địa chỉ: Số B đường N, phường V, thành phố Huế, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Đào Quân V, sinh năm 1969; quốc tịch: Hoa Kỳ; Hộ chiếu số 566810422 cấp ngày 09/7/2020; địa chỉ: A C, F, CA 92768, United States of A (Hoa Kỳ), vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 28 tháng 01 năm 2026 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trương Nguyễn Phương T trình bày:

Bà Trương Nguyễn Phương T và ông Đào Quân V tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 161 vào ngày 19/9/2022. Sau khi kết hôn, ông V chung sống ở Việt Nam một thời gian sau đó quay về Hoa Kỳ sinh sống, vợ chồng hạnh phúc được 3 năm, cuối năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa bà T và ông V chênh lệch về tuổi tác và do cách trở về địa lý nên hay mâu thuẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Hiện tại,

bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, khả năng đoàn tụ là không thể nên bà có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Đào Quân V.

Về con chung: Bà T trình bày vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai vợ chồng không có.

Tại văn bản trìnhh bày ý kiến ngày 21/4/2026, bị đơn ông Đào Quân V trình bày:

Ông Đào Quân V và bà Trương Nguyễn Phương T tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 161 vào ngày 19/9/2022. Sau khi kết hôn, ông V quay trở về Hoa Kỳ làm việc. Do cách trở về địa lý, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng ít khi liên lạc nên tình cảm vợ chồng phai nhạt. Nay khả năng đoàn tụ là không thể, bà T có nguyện vọng xin được ly hôn với với ông thì ông cũng đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà Trương Nguyễn Phương T được ly hôn. Kèm theo văn bản trình bày ý kiến, ông V gửi cho Tòa án bản sao Driver License (Bằng lái xe) và Passport (Hộ chiếu) của ông Đào Quân V tại C; đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 464, 469 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Nguyễn Phương T, cho bà T được ly hôn với ông Đào Quân V; Về con chung: không có; Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Không có nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Về án phí: Bà Trương Nguyễn Phương T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trương Nguyễn Phương T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đào Quân V, sinh năm 1969; quốc tịch: Hoa Kỳ; Hộ chiếu số 566810422 cấp ngày 09/7/2020; địa chỉ: A C, F, CA 92768, United States of A (Hoa Kỳ). Đây là vụ việc ly hôn mà nguyên đơn là công dân Việt Nam và bị đơn là người nước ngoài, việc xác lập quan hệ hôn nhân xảy ra ở Việt Nam nên theo quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là là tranh chấp về hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài và vụ án thuộc thẩm quyền chung của Toà án Việt Nam. Bị đơn ông Đào Quân V là người nước ngoài hiện nay đang cư trú, sinh sống ở nước ngoài (Hoa Kỳ), không có địa chỉ tại Việt Nam nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T1 có quyền lựa chọn yêu cầu Toà án nơi bà T1 cư trú giải quyết. Bà T1 có địa chỉ thường trú tại Số B N, phường V, thành phố Huế, căn cứ quy định của điểm d, đ khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng Dân sự, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng do ông Đào Quân V có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Trương Nguyễn Phương T và ông Đào Quân V đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét đề nghị của bà T và ông V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Nguyễn Phương T và ông Đào Quân V tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 161 vào ngày 19/9/2022 nên hôn nhân giữa bà T và ông V là hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông V chung sống ở Việt Nam một thời gian sau đó quay về Hoa Kỳ sinh sống, cuối năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do giữa bà T và ông V chênh lệch về tuổi tác và do cách trở về địa lý nên hay mâu thuẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Hiện tại, bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, khả năng đoàn tụ là không thể nên bà có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Đào Quân V. Bị đơn ông Đào Quân V có văn bản trình bày ý kiến thống nhất như lời

khai của bà T, đồng ý ly hôn với bà Trương Nguyễn Phương T và gửi bản sao Giấy phép lái xe, Hộ chiếu của ông cho Toà án, văn bản trình bày ý kiến và đơn xin xét xử vắng mặt, các tài liệu kèm theo của ông Đào Quân V đã được dịch ra Tiếng Việt có công chứng, chứng thực hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam là đúng quy định tại Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, có đủ căn cứ để khẳng định tình trạng hôn nhân giữa bà Trương Nguyễn Phương T và ông Đào Quân V đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, xử cho bà T được ly hôn với ông V là có cơ sở pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Bà T và ông V đều xác nhận không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Bà T và ông V đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Bà Trương Nguyễn Phương T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 464, 469, 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Nguyễn Phương T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Nguyễn Phương T được ly hôn với ông Đào Quân V, quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà T và ông V xác nhận không có con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Bà T và ông V không yêu cầu giải quyết về tài sản, nợ chung khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí: Buộc bà Trương Nguyễn Phương T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án ký hiệu BLTU/26E số 0000910 ngày 25/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trương Nguyễn Phương T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Bị đơn ông Đào Quân V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND phường Vỹ Dạ *(ĐKKH số 161 ngày 19/9/2022 tại UBND thành phố Huế cũ);*
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hoàng Quang Bình